TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/ 2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/ 2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim

2. Bà Nguyễn Thị Nguyện

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2020/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 01/2021/QĐXX-ST ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị L, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Hữu L, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

HKTT : Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay:) Bình D, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 và bản tự khai chị Cao Thị L trình bày :

Về hôn nhân : Chị và anh Lê Hữu L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên cải nhau, đánh nhau, không tôn trọng nhau, sống không có hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 10/2017 chị bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá từ đó chị và anh L sống ly thân nhau cho đến nay không quan tâm

đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung : Chị L và anh Lê Hữu L có 01 con chung Cháu Lê Gia L, sinh ngày 26/10/2016. Nguyện vọng chị L xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ : Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2020 bị đơn anh Lê Hữu L trình bày thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân đầu năm 2019 anh có vào Bình Dương làm ăn còn chị L sinh sống tại quê, lúc đầu anh có gửi tiền về lo cho con nhưng đầu năm 2020 do làm ăn khó khăn nên anh không gửi tiền về từ đó tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2019 chị L bế con về nhà bố mẹ đẻ ở và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung : Anh và chị L có 01 con chung Cháu Lê Gia L, sinh ngày 26/10/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng chị L, anh có nguyện vọng giao cháu L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ : Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2020 theo báo cáo của chính quyền địa phương anh Lê Hữu L và chị Cao Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng anh chị không báo cáo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay chị L và anh L đang sống ly thân nhau. Về con chung anh L, chị L có 01 con chung Lê Gia L, sinh năm 2016, hiện nay cháu đang ở với chị L. Về tài sản và công nợ chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên toà chị Cao Thị L có mặt, anh Lê Hữu L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát : Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay vắng mặt bị đơn anh L nhưng anh L cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 ; Điều 81 ; 82 ; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về hôn nhân : Xử cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Lê Hữu L.

Về con chung : Giao cháu Lê Gia L, sinh ngày 26/10/2016 cho chị Cao Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ : Anh L, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí : Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng : Chị Cao Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc hôn nhân của chị L và anh Lê Hữu L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân : Chị Cao Thị L và anh Lê Hữu L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 15/01/2016 được UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L, anh L thống nhất nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống từ đó không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau đã gần 02 năm nay không quan tâm nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh L cũng đồng ý ly hôn chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh L đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn anh L là phù hợp.

[3] Về con chung : Chị L và anh Lê Hữu L thống nhất trình bầy anh, chị có 01 con chung Cháu Lê Gia L, sinh ngày 26/10/2016. Chị L có nguyện vọng xin được nuôi cháu L. Tại phiên toà chị L yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi và tại tại bản tự khai anh L cũng có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng. HĐXX xét thấy cần giao cháu L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ : Chị L và anh L đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí : Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ : Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình ; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Lê Hữu L.

- Về con chung : Giao cháu Cháu Lê Gia L, sinh ngày 26/10/2016 cho chị Cao Thị L tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ : Chị L, anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2019/0008633 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Quyền kháng cáo : Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo đúng quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
-TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Cơ quan THA huyện Đông Sơn
- UBND xã Đông Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Thị Hà